zhū rú

侏儒

noun · dwarf, midget

Example Sentences

tóng huà lǐ yǒu yī gè shàn liáng de zhū rú
童 话 里 有 一 个 善 良 的 侏 儒 。

There is a kind dwarf in the fairy tale.

zhū rú de shēn gāo tōng cháng bǐ yī bān rén ǎi hěn duō
侏 儒 的 身 高 通 常 比 一 般 人 矮 很 多 。

Dwarfs are usually much shorter than average people.

Trace each character, then write the word on your own.

侏 侏 侏 侏 侏 侏 侏 侏 侏 侏 侏

儒 儒 儒 儒 儒 儒 儒 儒 儒 儒 儒

儒 儒 儒 儒 儒 儒 儒 儒